

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN PHÙ CÁT
TỈNH BÌNH ĐỊNH

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 02/03/2023.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÁT, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Diệp.*

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông: Đặng Hữu Lộc

2. Ông: Phan Thanh Long

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Trang là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Thiện – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 03 năm 2023 - Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 428/2022/TLST-HNGĐ ngày 01/11/2022 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/02/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Cẩm T, sinh năm 1992 – Địa chỉ: Thôn Phú K, xã Cát Tr, huyện Phù C, tỉnh Bình Định.

- *Bị đơn:* Anh Võ Cường T, sinh năm 1989 – Địa chỉ: Thôn Tân H, xã Cát T, huyện Phù C, tỉnh Bình Định.

(Nay chị T có mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/5/2022, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay - Nguyên đơn chị Trần Thị Cẩm T trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị T và anh Võ Cường T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cát T, huyện Phù C, tỉnh Bình Định ngày 18/9/2014 – Hôn nhân tự

nguyên. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được 03 năm thì xảy ra mâu thuẫn, lý do mâu thuẫn do anh T ăn chơi, bài bạc, số đề dẫn đến nợ nần, dẫn đến vợ chồng xảy ra bất đồng, kinh cãi, đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không khắc phục được, chị và anh T đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, tình cảm giữa chị và anh T thực sự không còn, không thể hàn gắn chung sống hạnh phúc. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Võ Cường T.

-Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung, con trai tên Võ Trần Phúc Kh- sinh ngày: 18/01/2019, con hiện ở với mẹ. Vợ chồng ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung vợ chồng: Không có.

**Đối với bị đơn anh Võ Cường T:* Sau khi Tòa án thụ lý vụ án ly hôn giữa anh và chị T, Tòa án đã tiến hành tổng đạt đầy đủ, hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng dân sự theo quy định pháp luật của Tòa cho anh T, anh T biết việc Tòa án huyện Phù Cát đang thụ lý, giải quyết vụ kiện ly hôn giữa anh và chị T nhưng anh cố tình không đến Tòa trình bày ý kiến của mình về vụ kiện, không tham gia tố tụng, Tòa tiến hành giải quyết, xét xử vụ án theo thủ tục chung.

**Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm:*

-Đơn khởi kiện của chị Trần Thị Cẩm T đề ngày 10/5/2022 xin ly hôn anh Võ Cường T, giấy chứng minh của chị T (bản phô tô), trích lục khai sinh của cháu Võ Trần Phúc Kh (bản sao), sổ hộ khẩu của hộ bà Hồ Thị Ngọc Ch – mẹ ruột chị T (bản sao), giấy chứng nhận kết hôn giữa chị Trần Thị Cẩm T – anh Võ Cường T (bản chính), bản khai của chị T, lời khai của ông Võ Cường Đ (cha ruột anh T). Thông báo Thụ lý vụ án, các Thông báo phiên họp và hòa hòa giải, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (Viết tắt: HĐXX) nhận định:

[1]Xét về mặt tố tụng: Sau khi thụ lý vụ kiện ly hôn giữa chị T – anh T, Tòa án tiến hành tổng đạt đầy đủ, hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng của Tòa cho bị đơn anh Võ Cường T theo đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự gồm: Thông báo thụ lý vụ án; các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; giấy triệu tập đương sự và Quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa (lần 1, lần 2). Anh T biết được việc chị T đang yêu cầu ly hôn anh tại

Tòa án nhân dân huyện Phù Cát nhưng anh cố tình không đến Tòa trình bày ý kiến của mình về vụ kiện, là vi phạm nghĩa vụ của đương sự được quy định tại Điều 70; điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, anh T phải gánh chịu hậu quả pháp lý theo quy định của pháp luật, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án ly hôn theo thủ tục chung.

[2] Xét nội dung vụ án:

[a] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa chị T và anh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cát Tân, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định ngày 18/9/2014 – Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đối chiếu theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, hôn nhân giữa chị T, anh T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận, bảo vệ. Tuy nhiên sau khi kết hôn chị T và anh T sống hạnh phúc được khoảng thời gian 03 năm, đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị T, anh T, HĐXX xác định là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thiếu sự quan tâm, chia sẻ, từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không khắc phục được. Anh T biết được chị T gửi đơn yêu cầu ly hôn anh tại Tòa án nhân dân huyện Phù Cát nhưng anh cố tình không đến Tòa, điều đó cho thấy anh bỏ mặc cuộc hôn nhân giữa anh với chị T, giữa chị T, anh T khó có cơ hội hàn gắn để tiếp tục chung sống hạnh phúc được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn anh T.

[b] Về quan hệ con chung: Giữa chị T, anh T có 01 con chung tên là: Võ Trần Phúc Kh– sinh ngày: 18/01/2019, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con khi vợ chồng ly hôn.

HĐXX thấy rằng lâu nay cháu Kh ở với mẹ đã ổn định, anh T thường đi làm ăn xa, khó có thể trực tiếp chăm sóc con. Để tạo sự ổn định về mặt tâm sinh lý cho cháu Kh, HĐXX quyết định giao cháu Kh cho mẹ là chị T được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

[c] Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung vợ chồng: Các đương sự không có tranh chấp nên HĐXX không xét.

[d] Án phí ly hôn: Buộc chị T phải chịu theo quy định của pháp luật 300.000 đồng.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

-Về thủ tục tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về hướng giải quyết nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn anh T. Về con chung: Đề

ngợi HĐXX giao cháu Võ Trần Phúc Kh– sinh ngày: 18/01/2019 cho mẹ là chị T được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị HĐXX không buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Đề nghị HĐXX buộc chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với hướng nhận định của HĐXX về hướng giải quyết nội dung vụ án nên được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Cẩm T, cho chị Trần Thị Cẩm T được ly hôn anh Võ Cường T.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Trần Phúc Kh– sinh ngày: 18/01/2019 cho mẹ là chị T được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con là anh T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Án phí ly hôn: Buộc chị T phải nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) sung ngân sách Nhà nước, chị T đã nộp 300.000đồng tạm ứng án phí khởi kiện tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0011690 ngày 01/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cát nên được khấu trừ.

Án xử sơ thẩm công khai, chị T có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án. Anh T vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày anh T nhận được bản án hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Cát T, huyện Phù C, tỉnh Bình Định nơi anh T cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

*-Các đương sự;
-VKSND huyện Phù Cát;
-VKSND tỉnh Bình Định;
-TAND tỉnh Bình Định;
-Chi cục T.H.A ds huyện Phù Cát;
-UBND xã Cát T, huyện Phù Cát,
tỉnh Bình Định;
-Lưu hồ sơ, lưu án văn.*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Diệp